

209/80



Amoksiklav®

625 mg Viên nén bao phim

2 vỉ x 5 viên



Amoksiklav®

AMOXICILLIN 500 mg
CLAVULANIC ACID 125 mg

625 mg Viên nén bao phim

Độc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Số lô SX, NSX, HD xem "Lot No.", "Mnf. date", "Exp. date" trên bao bì
Các thông tin khác xin xem trong tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo
Nhà nhập khẩu: Công ty cổ phần Dược Mỹ phẩm May.
53-55 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Bảo quản dưới 25°C, tránh ẩm.
Giữ thuốc ngoài tầm với của trẻ em

46004661

Lot No:
Mnf. date:
Exp. date:

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 18/01/12

Amoksiklav®

625 mg Viên nén bao phim

AMOXICILLIN 500 mg
CLAVULANIC ACID 125 mg



2 vỉ x 5 viên

Thức bản theo đơn
Sân xuất bởi:
LEK PHARMACEUTICALS d.d.
Perznan 47, SI-2391 Prevalje, Slovenia

5025x140



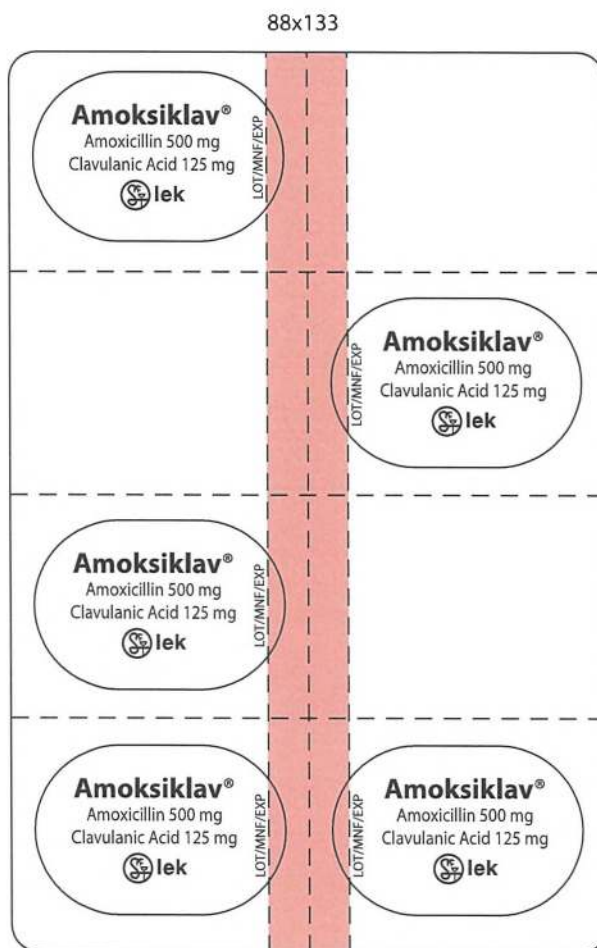
Lek farmacevtska družba d. d.

130
Jovan
Marek



256

	lek Pharmaceuticals d.d., Varovškova 57, Ljubljana, Slovenia		
Sifra/ID no:	Verzija/Version:	Datum/Date:	
46004661	1_A	11.08.2008	
Dimenzija/Dimension: 92x25x140			
Izdalal/Created: R. Zlate			
 Pantone 021 C			
 Black			



Lek farmacevtska družba d. d.
120

OVNBR PANGLINAN

- Nhiễm khuẩn xoang và tai giữa
- Nhiễm khuẩn đường hô hấp
- Nhiễm khuẩn đường tiết niệu
- Nhiễm khuẩn da và mô mềm bao gồm nhiễm khuẩn răng
- Nhiễm khuẩn xương và khớp

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG

Sử dụng Amoksiklav 625 mg theo như chỉ dẫn của bác sĩ. Nếu không chắc chắn, nên hỏi lại bác sĩ hay dược sĩ.

Người lớn và trẻ em cân nặng từ 40 kg trở lên

Liều thường dùng: 1 viên x 3 lần/ngày

Trẻ em cân nặng dưới 40 kg

Dùng liều 20 mg Amoxicillin + 5 mg Acid clavulanic /kg/ngày đến 60 mg Amoxicillin + 15 mg Acid clavulanic /kg/ngày, chia làm 3 lần/ngày.

Trẻ từ 6 tuổi trở xuống: tốt nhất nên điều trị với Amoksiklav 625 mg dạng hỗn dịch uống hay dạng gói.

Hỏi ý kiến bác sĩ hay dược sĩ khi sử dụng viên Amoksiklav 625 mg cho trẻ cân nặng dưới 40 kg.

Người cao tuổi

Không cần điều chỉnh liều.

Bệnh nhân có các vấn đề về gan, thận

- Bệnh nhân có các vấn đề về thận: có thể điều chỉnh liều. Bác sĩ có thể cho sử dụng hàm lượng khác hay thuốc khác.
- Bệnh nhân có các vấn đề về gan: cần làm xét nghiệm máu thường xuyên để kiểm tra chức năng gan.

Cách dùng Amoksiklav 625 mg

- Nuốt nguyên viên thuốc với nước trước bữa ăn hay bữa ăn nhẹ trước đó.
- Dùng các liều trong một ngày cách đều nhau, ít nhất 4 giờ. Không uống 2 liều trong 1 giờ.
- Không dùng Amoksiklav 625 mg quá 2 tuần. Nếu cảm thấy chưa khỏe, nên gặp lại bác sĩ.

Nếu sử dụng Amoksiklav 625 mg quá liều khuyến cáo

Nếu dùng quá liều được khuyến cáo, các dấu hiệu có thể là cảm giác khó chịu ở bao tử (nôn, buồn nôn, tiêu chảy) hay co giật. Báo cho bác sĩ ngay khi có thể. Mang hộp thuốc hay chai thuốc đến gặp bác sĩ.

Nếu quên không dùng Amoksiklav 625 mg

Nếu quên không dùng 1 liều, uống ngay khi nhớ ra. Không dùng liều tiếp theo quá sớm, chờ khoảng 4 giờ trước khi dùng liều tiếp theo.

Nếu ngưng dùng Amoksiklav 625 mg

Tiếp tục dùng Amoksiklav 625 mg cho đến khi việc điều trị hoàn tất ngay cả khi bạn cảm thấy khỏe hơn. Cần dùng hết các liều để giúp chống lại sự nhiễm khuẩn. Nếu vi khuẩn vẫn còn tồn tại, chúng có thể gây nhiễm khuẩn trở lại.

Nếu cần thêm thông tin về cách sử dụng thuốc này, xin hỏi bác sĩ hay dược sĩ.

CHÔNG CHỈ ĐỊNH

Không dùng Amoksiklav 625 mg khi:

- Dị ứng (quá mẫn) với amoxicillin, acid clavulanic, penicillin hay bất kỳ thành phần nào khác của Amoksiklav 625 mg.
- Đã từng có phản ứng dị ứng nặng với bất kỳ kháng sinh nào. Phản ứng dị ứng bao gồm mề đay, sưng mặt hay cổ.

- Đã từng có vấn đề về gan hoặc vàng da khi dùng kháng sinh.

Không dùng Amoksiklav 625 mg nếu có bất kỳ dấu hiệu nào nêu trên. Nếu không chắc chắn, báo cho bác sĩ hay dược sĩ trước khi uống Amoksiklav 625 mg.

CẢNH BÁO ĐẶC BIỆT VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG

Báo cho bác sĩ hay dược sĩ trước khi dùng thuốc nếu:

- Tăng bạch cầu đơn nhân do nhiễm trùng.
- Đang được điều trị các bệnh về gan hay thận.
- Không tiểu tiện thường xuyên (thiếu niệu).

Nếu không chắc chắn về các trường hợp trên, báo cho bác sĩ hay dược sĩ trước khi uống Amoksiklav 625 mg.

Trong một số trường hợp, bác sĩ có thể cần kiểm tra loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn cho bệnh nhân. Dựa vào kết quả thu được, bệnh nhân có thể được điều trị với hàm lượng khác của Amoksiklav hay với thuốc khác.

Nguy cơ dị ứng chéo với các kháng sinh nhóm cephalosporin:

Có nguy cơ dị ứng chéo giữa amoxicillin/acid clavulanic với các kháng sinh nhóm cephalosporin. Cần báo cho bác sĩ nếu có tiền sử dị ứng với các kháng sinh này.

Thận trọng khi dùng vì Amoksiklav 625 mg có thể làm bệnh tình trở nên xấu đi hay gây ra các phản ứng phụ nghiêm trọng, bao gồm: phản ứng dị ứng, co giật và viêm ruột già. Cần đề phòng các triệu chứng trên khi uống Amoksiklav 625 mg để giảm thiểu nguy cơ của các phản ứng phụ.

Xét nghiệm máu và nước tiểu

Nếu bạn chuẩn bị làm các xét nghiệm máu (như xét nghiệm tình trạng hồng cầu hoặc xét nghiệm chức năng gan) hoặc xét nghiệm nước tiểu (xét nghiệm glucose), báo cho bác sĩ hay y tá biết là bạn đang dùng Amoksiklav 625 mg. Bởi vì Amoksiklav 625 mg có thể làm ảnh hưởng đến kết quả các xét nghiệm này.

Phụ nữ có thai và cho con bú

Nếu đang mang thai, nghĩ mình đang mang thai hay đang nuôi con bằng sữa mẹ, xin báo cho bác sĩ hay dược sĩ. Hãy hỏi ý kiến bác sĩ hay dược sĩ trước khi dùng bất kỳ thuốc nào.

Lái xe và vận hành máy móc

Amoksiklav 625 mg có thể gây ra các tác dụng phụ và các triệu chứng có thể làm giảm khả năng lái xe. Do đó không lái xe hay vận hành máy móc nếu cảm thấy không khỏe.

Thông tin quan trọng về một số thành phần của Amoksiklav 625 mg

Amoksiklav 625 mg có chứa 0,63 mmol (24,5 mg) kali mỗi viên.

Cần cân nhắc điều này nếu có các vấn đề về thận hay đang trong chế độ ăn có kiểm soát kali.

TƯƠNG TÁC

Thông báo cho bác sĩ những thuốc khác mà bạn đang dùng hoặc đã dùng gần đây, kể cả thuốc không kê đơn và các thuốc từ dược liệu.

Nếu dùng chung Allopurinol (trị gút) với Amoksiklav 625 mg, nhiều khả năng xảy ra phản ứng dị ứng da.

Nếu đang dùng Probenecid (trị gút), có thể cần phải điều chỉnh liều Amoksiklav 625 mg.

Nếu dùng chung với các thuốc chống đông máu (như warfarin), cần tiến hành thêm các xét nghiệm máu.

Amoksiklav 625 mg có thể ảnh hưởng đến tác dụng của methotrexat (thuốc dùng điều trị ung thư hay các bệnh thấp khớp).

PHẢN ỨNG PHỤ

Như các thuốc khác, Amoksiklav 625 mg có thể gây ra các tác dụng phụ nhưng không phải ai cũng đều mắc phải chúng. .

Cần thận trọng với các phản ứng sau:

Phản ứng dị ứng:

- Phát ban
- Viêm mạch máu (viêm mạch), có thể nhìn thấy những đốm đỏ hay tím trên da, nhưng cũng có thể ảnh hưởng đến các phần khác của cơ thể.
- Sốt, đau khớp, sưng các hạch ở cổ, nách hoặc bẹn.
- Thỉnh thoảng có sưng mắt hay miệng (phù mạch), gây khó thở.
- Trụy tim mạch.

Báo cho bác sĩ ngay lập tức nếu có bất kỳ triệu chứng nào như trên. Ngưng dùng Amoksiklav 625 mg.

Viêm ruột già

Viêm ruột già thường gây tiêu chảy mất nước có máu và chất nhầy, đau bao tử và/hoặc có sốt. Báo cho bác sĩ ngay lập tức nếu có bất kỳ triệu chứng nào như trên.

Phản ứng phụ rất thường gặp(> 1/10)

- Tiêu chảy (ở người lớn).

Phản ứng phụ thường gặp ($\leq 1/10$)

- Nhiễm nấm Candida ở âm đạo, miệng hay ở các nếp gấp ở da.
- Buồn nôn, đặc biệt khi dùng liều cao. Dùng Amoksiklav 625 mg trước khi ăn nếu bị ảnh hưởng.
- Nôn
- Tiêu chảy (ở trẻ em).

Phản ứng phụ không thường gặp ($\leq 1/100$)

- Phát ban, ngứa
- Chứng phát ban
- Khó tiêu
- Chóng mặt
- Đau đầu.

Phản ứng phụ không thường gặp có thể thấy trên các xét nghiệm máu:

- Tăng một số chất (enzym) do gan sản xuất.

Phản ứng phụ hiếm gặp ($\leq 1/1000$)

- Phát ban, có thể phỏng giộp và giống như những bìa nhỏ (đốm giữa sậm màu bao quanh bởi vùng nhạt màu hơn, với vòng tròn tối xung quanh gờ – ban đỏ đa hình)

Nếu nhận thấy bất kỳ dấu hiệu nào ở trên, báo ngay cho bác sĩ.

Phản ứng phụ không thường gặp có thể thấy trên các xét nghiệm máu:

- Giảm số lượng tế bào tham gia vào quá trình đông máu
- Giảm số lượng bạch cầu

Các tác dụng phụ khác

Các tác dụng phụ khác xảy ra ở một số rất ít người với tần số xuất hiện chưa rõ.

- Phản ứng dị ứng (xem ở trên)
- Viêm ruột già (xem ở trên)
- Phản ứng da nghiêm trọng:
 - Phát ban lan rộng với vết giộp và lột da, đặc biệt quanh miệng, mắt, mũi và bộ phận sinh dục (hội chứng Stevens - Jonhson), và nghiêm trọng hơn, gây lột da rộng (hơn 30% bề mặt cơ thể - hoại tử thượng bì nhiễm độc)
 - Da nổi mẩn đỏ trên diện rộng với mụn (viêm da bóng nước tróc)
 - Nổi ban đỏ có vảy nổi dưới da và vết giộp da (phát ban mụn mủ).

Liên hệ bác sĩ ngay lập tức nếu có bất kỳ triệu chứng nào

- Viêm gan
- Vàng da, gây ra do tăng bilirubin trong máu (chất được sản xuất ở gan) có thể gây vàng da và vàng mắt
- Viêm ống thận
- Máu chậm đông
- Chứng tăng hoạt động
- Chứng co giật (ở người dùng Amoxiclav 625 mg với liều cao hay những người có vấn đề về thận)
- Lưỡi màu đen (đầu lưỡi có màu đen)
- Biến màu răng (ở trẻ em), thường được loại bỏ bằng cách đánh răng.

Phản ứng phụ có thể hiển thị trong xét nghiệm máu hoặc nước tiểu

- Giảm nghiêm trọng số lượng bạch cầu
- Giảm số lượng hồng cầu (thiếu máu huyết tán)
- Tinh thể niệu

Thông báo với bác sĩ hoặc dược sĩ nếu xuất hiện phản ứng phụ, hoặc nếu bất kỳ phản ứng phụ nào trở nên nghiêm trọng hoặc khó chịu, hoặc nhận thấy bất kỳ tác dụng phụ nào không được liệt kê trong tờ hướng dẫn sử dụng này.

QUÁ LIỀU

Triệu chứng và dấu hiệu của quá liều:

Biểu hiện của quá liều có thể là các triệu chứng của đường tiêu hóa và rối loạn cân bằng nước và điện giải. Đã quan sát thấy tinh thể amoxicillin niệu, trong một vài trường hợp có thể dẫn đến suy thận.

Co giật có thể xảy ra ở bệnh nhân suy thận hoặc trong những trường hợp sử dụng liều cao.

Đã có báo cáo về việc amoxicillin kết tủa trong ống thông bàng quang, chủ yếu là sau khi truyền tĩnh mạch liều lớn. Nên duy trì việc kiểm tra thường xuyên ống thông.

Điều trị ngộ độc:

Các triệu chứng tiêu hóa có thể được điều trị theo triệu chứng, nên chú ý đến cân bằng nước/điện giải.

Amoxicillin/acid clavulanic có thể được loại bỏ khỏi vòng tuần hoàn bằng thẩm phân máu.

CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC

Nhóm trị liệu: penicillin kết hợp với chất ức chế beta-lactamase, mã ATC: J01CR02

Cơ chế tác động:

Amoxicillin là một penicillin bán tổng hợp (nhóm kháng sinh beta-lactam) ức chế một hoặc nhiều enzyme (thường được gọi là protein gắn penicillin, PBPs) trong con đường sinh tổng hợp peptidoglycan của vi khuẩn, là thành phần cấu trúc không thể thiếu của thành tế bào vi khuẩn. Ức chế tổng hợp peptidoglycan dẫn đến làm suy yếu thành tế bào, sau đó là ly giải và chết tế bào.

Amoxicillin dễ bị phân hủy bởi men beta-lactamase được sản xuất bởi các vi khuẩn đề kháng và do đó phổ hoạt động của một mình amoxicillin không bao gồm các vi khuẩn sản xuất enzyme này.

Acid clavulanic là một beta-lactam có liên quan về mặt cấu trúc với các penicillin. Acid clavulanic bất hoạt một số enzyme beta-lactamase do đó ngăn ngừa sự bất hoạt của amoxicillin. Acid clavulanic một mình không gây ra tác dụng kháng khuẩn hữu ích nào trên lâm sàng.

Mối quan hệ dược động - dược lực

Thời gian trên nồng độ ức chế tối thiểu ($T > MIC$) được xem là yếu tố quyết định hiệu quả của amoxicillin.

Cơ chế đề kháng

Hai cơ chế chính của sự đề kháng với amoxicillin/acid clavulanic là:

- Bất hoạt bởi men beta-lactamase của vi khuẩn mà men này không bị ức chế bởi acid clavulanic, như nhóm B, C và D.
- Thay đổi các protein gắn penicillin PBPs, làm giảm ái lực của tác nhân kháng khuẩn với tế bào đích. Tính chống thấm của vi khuẩn hay cơ chế bơm đẩy ngược dòng có thể gây ra hoặc góp phần vào sự đề kháng của vi khuẩn, đặc biệt ở vi khuẩn Gram âm.

Nồng độ ngưỡng

Các nồng độ ngưỡng ức chế tối thiểu đối với amoxicillin/acid clavulanic theo Thử nghiệm của Ủy ban Châu Âu về tính nhạy cảm kháng khuẩn (EUCAST).

Vi khuẩn	Nồng độ ngưỡng nhạy cảm ($\mu\text{g/ml}$)		
	Nhạy cảm	Nhạy cảm trung gian	Đề kháng
<i>Haemophilus influenzae</i> ¹	≤ 1	-	> 1
<i>Moraxella catarrhalis</i> ¹	≤ 1	-	> 1
<i>Staphylococcus aureus</i> ²	≤ 2	-	> 2
Staphylococci âm tính với coagulase ²	$\leq 0,25$		$> 0,25$
<i>Enterococcus</i> ¹	≤ 4	8	> 8
<i>Streptococcus A, B, C, G</i> ⁵	$\leq 0,25$	-	$> 0,25$
<i>Streptococcus pneumoniae</i> ³	$\leq 0,5$	1-2	> 2
<i>Enterobacteriaceae</i> ^{1,4}	-	-	> 8
Gram âm Anaerobes ¹	≤ 4	8	> 8
Gram-dương Anaerobes ¹	≤ 4	8	> 8
Nồng độ ngưỡng không liên quan đến loài ¹	≤ 2	4-8	> 8

¹ Các giá trị ghi nhận được là cho nồng độ Amoxicillin, đối với mục đích thử nghiệm tính nhạy cảm, nồng độ acid clavulanic được cố định ở 2 mg/l.

² Các giá trị ghi nhận được là cho nồng độ Oxacillin

³ Giá trị nồng độ ngưỡng trong bảng được dựa vào giá trị nồng độ ngưỡng của Ampicillin.

⁴ Nồng độ ngưỡng đề kháng $R > 8 \text{ mg/l}$ đảm bảo rằng tất cả các phân lập với các cơ chế kháng thuốc được báo cáo đề kháng.

⁵ Các giá trị nồng độ ngưỡng trong bảng là dựa trên nồng độ ngưỡng của Benzylpenicillin.

Sự đề kháng kháng sinh có thể thay đổi theo từng vùng địa lý và thời gian đối với các loài vi khuẩn chọn lọc và thông tin về sự đề kháng ở địa phương là cần thiết, đặc biệt khi điều trị các bệnh nhiễm khuẩn nặng. Khi cần thiết nên hỏi ý kiến chuyên gia về thông tin đề kháng kháng sinh ở địa phương khi có nghi ngờ về tính hữu dụng của kháng sinh trong vài trường hợp nhiễm khuẩn.

CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG

Hấp thu

Amoxicillin và acid clavulanic phân ly hoàn toàn trong dung dịch nước ở pH sinh lý. Cả hai thành phần nhanh chóng được hấp thu tốt bằng đường uống. Sự hấp thu amoxicillin và acid clavulanic tốt nhất khi dùng vào đầu bữa ăn. Khi dùng đường uống, sinh khả dụng của amoxicillin và acid clavulanic là khoảng 70%. Đường biểu diễn trong huyết tương của hai thành phần là giống nhau và thời gian đạt đỉnh trong huyết tương (T_{max}) trong mỗi thành phần là khoảng 1 giờ.

Kết quả nghiên cứu dược động học, trong đó amoxicillin/acid clavulanic (viên nén 500 mg/125 mg, 3 lần mỗi ngày) được cho uống lúc đói cho các nhóm người tình nguyện khỏe mạnh được trình bày dưới đây.

Các chỉ số dược động: Giá trị trung bình ($\pm$ SD)					
Hoạt chất sử dụng	Liều dùng	C_{max}	T_{max}^*	AUC (0-24h)	$T_{1/2}$
	(mg)	(μ g/ml)	(giờ)	(μ g.giờ/ml)	(giờ)
Amoxicillin					
AMX/CA 500/125 mg	500	$7,19 \pm 2,26$	1,5 (1,0-2,5)	$53,5 \pm 8,87$	$1,15 \pm 0,20$
Acid clavulanic					
AMX/CA 500 mg/125 mg	125	$2,40 \pm 0,83$	1,5 (1,0-2,0)	$15,72 \pm 3,86$	$0,98 \pm 0,12$
AMX - amoxicillin, CA - clavulanic acid					
* Median (khoảng)					

Nồng độ amoxicillin và acid clavulanic trong huyết thanh đạt được khi uống sản phẩm kết hợp amoxicillin/acid clavulanic cũng tương tự như liều tương đương amoxicillin hoặc acid clavulanic khi dùng riêng lẻ.

Phân bố

Khoảng 25% acid clavulanic trong huyết tương và 18% amoxicillin trong huyết tương gắn kết với protein. Thể tích phân bố biểu kiến khoảng 0,3 - 0,4 l/kg đối với amoxicillin và khoảng 0,2 l/kg đối với acid clavulanic.

Sau khi truyền tĩnh mạch, cả amoxicillin và acid clavulanic đều được tìm thấy trong túi mật, mô bụng, da, mỡ, mô cơ, chất lỏng hoạt dịch và phúc mạc, mật và mủ. Amoxicillin không phân phối vào dịch não tủy.

Các nghiên cứu trên động vật không có bằng chứng cho thấy các chất chuyển hóa của từng thành phần thuốc bị giữ lại đáng kể ở mô. Amoxicillin, giống như hầu hết các penicillin, có thể được tìm thấy trong sữa mẹ. Số lượng vết của acid clavulanic cũng có thể được phát hiện trong sữa mẹ.

Cả amoxicillin và acid clavulanic đã được chứng minh qua hàng rào nhau thai.

Chuyển hóa

Amoxicillin bài tiết một phần trong nước tiểu dưới dạng acid penicilloic không có hoạt tính với khoảng 10 - 25% liều ban đầu. Phần lớn acid clavulanic được chuyển hóa ở người và thải trừ trong nước tiểu và phân và dưới dạng khí carbon dioxide trong khí thở ra.

Thải trừ

Amoxicillin được thải trừ chính qua thận, trong khi acid clavulanic được thải trừ qua thận và không qua thận.

Thời gian bán hủy trung bình của amoxicillin/acid clavulanic khoảng một giờ và độ thanh thải toàn phần trung bình xấp xỉ 25 l/giờ ở người khỏe mạnh. Khoảng 60 - 70% amoxicillin và 40 - 65% acid clavulanic được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không biến đổi trong 6 giờ đầu tiên sau khi sử dụng liều đơn amoxicillin/acid clavulanic 250 mg/125 mg hoặc 500 mg/125 mg. Nhiều nghiên cứu cho thấy lượng bài tiết qua nước tiểu khoảng 50 - 85% cho amoxicillin và 27 - 60% đối với acid clavulanic trong khoảng thời gian 24 giờ. Trong trường hợp của acid clavulanic, một lượng lớn thuốc được bài tiết trong 2 giờ đầu tiên sau khi dùng thuốc.

Sử dụng đồng thời probenecid làm chậm bài tiết amoxicillin nhưng không làm chậm trễ bài tiết acid clavulanic qua thận.

Tuổi

Thời gian bán hủy của amoxicillin là tương tự đối với trẻ từ 3 tháng đến 2 tuổi, trẻ lớn hơn và người trưởng thành. Đối với trẻ rất nhỏ (bao gồm cả trẻ sinh non thiếu tháng) trong tuần đầu tiên chào đời, khoảng cách liều không được vượt quá 2 lần/ngày do sự đào thải qua thận chưa hoàn chỉnh. Bởi vì chức năng thận có thể giảm ở người lớn tuổi, cần thận trọng trong việc chọn liều và nên theo dõi chức năng thận.

Giới tính

Khi cho uống amoxicillin/clavulanic acid ở nam giới và phụ nữ khỏe mạnh, giới tính không có tác động đáng kể trên dược động học của amoxicillin hoặc acid clavulanic.

Suy thận

Độ thanh thải huyết thanh toàn phần của amoxicillin/clavulanic acid giảm tỉ lệ với suy giảm chức năng thận. Độ thanh thải của amoxicillin giảm rõ rệt hơn so với acid clavulanic vì amoxicillin được bài tiết qua thận với tỷ lệ cao hơn. Liều dùng trong trường hợp suy thận phải được điều chỉnh để ngăn chặn sự tích tụ quá mức của amoxicillin trong khi vẫn duy trì đủ lượng acid clavulanic.

Suy gan

Thận trọng khi kê liều cho bệnh nhân suy gan và cần theo dõi chức năng gan định kỳ.

HẠN DÙNG

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

BẢO QUẢN

Đề xa tầm tay và tầm nhìn của trẻ em.

Không sử dụng thuốc sau ngày hết hạn sử dụng đã ghi trên bao bì.

Bảo quản dưới 25°C, tránh ẩm

Duyệt tờ hướng dẫn sử dụng lần cuối: tháng 11 năm 2009.

Lời khuyên và giáo dục y khoa

Thuốc kháng sinh được sử dụng để điều trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn gây ra. Thuốc không có hoạt tính chống lại các bệnh nhiễm do vi-rút.

Đôi khi bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn không đáp ứng với đợt trị liệu kháng sinh. Một trong những lý do thường gặp nhất đối với trường hợp này là bởi vì vi khuẩn gây nhiễm khuẩn đề kháng với

kháng sinh đang sử dụng. Điều này có nghĩa là vi khuẩn có thể sống sót và thậm chí trở nên đa đề kháng với kháng sinh.

Nếu bác sĩ chỉ định cho bạn dùng kháng sinh, thuốc chỉ cần thiết cho căn bệnh hiện tại của bạn. Chú ý đến những lời khuyên sau đây sẽ giúp ngăn ngừa sự xuất hiện các vi khuẩn đề kháng thuốc mà có thể làm mất hiệu lực của kháng sinh.

1. Quan trọng là bạn phải dùng kháng sinh đúng liều, vào đúng thời điểm và đúng số ngày sử dụng. Hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng và nếu không hiểu điều gì nên hỏi lại bác sĩ hoặc dược sĩ.
2. Chỉ sử dụng kháng sinh khi thuốc được kê đơn cho chính bạn và bạn chỉ nên dùng nó để điều trị nhiễm trùng như đã chỉ định.

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Đề xa tầm tay trẻ em.



Lek farmacevtska družba J. d.
120



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh

